

**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO -
TÀI CHÍNH**

THÔNG TƯ liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/3/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2002/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành Quyết định số 194/2002/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập, quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ, liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH MỨC HỌC BỔNG CHÍNH SÁCH VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI

Đối tượng được điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội là học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập được hưởng học bổng chính sách và trợ cấp xã hội theo quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã

hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

- Mức học bổng chính sách được điều chỉnh từ 120.000 đồng/người/tháng lên 160.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với sinh viên hệ cử tuyển, sinh viên các trường dự bị đại học dân tộc, học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Mức trợ cấp xã hội được điều chỉnh từ 100.000 đồng/người/tháng lên 140.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên ở các xã vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung.

Danh sách các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập theo quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, địa phương.

Các Bộ, địa phương đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện chế độ học bổng chính sách và trợ cấp xã hội theo quy định.

Các quy định về mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội của Thông tư này thay thế cho những quy định về mức học bổng chính sách quy định tại tiết a, b, c mục 1 điểm II Phần I và mức trợ cấp xã hội quy định tại mục 1 điểm I Phần II của Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và điểm thứ nhất mục 2 Phần II của Thông tư liên tịch số 126/1998/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 09/9/1998 của

092.1645

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học.

Các nội dung khác vẫn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Thông tư liên tịch số 126/1998/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 09/9/1998 của liên Bộ Tài chính - Giáo dục và Đào tạo.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thứ trưởng

TRẦN VĂN NHUNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 01/2002/TT-BYT ngày 06/2/2002 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của các cơ sở khám, chữa bệnh nhân đạo.

Căn cứ Nghị quyết số 90/CP ngày 21/8/1997

của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 177/1999/NĐ-CP ngày 22/12/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Quyết định số 56/2000/QĐ-BTC ngày 19/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Thông tư số 08/2000/TT-BYT ngày 21/4/2000 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 20/2000/TT-BYT ngày 28/11/2000 của Bộ Y tế hướng dẫn về việc xét cấp giấy chứng chỉ hành nghề y dược học cổ truyền để đăng ký kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền và kinh doanh thuốc y học cổ truyền;

Căn cứ Thông tư số 21/2001/TT-BYT ngày 28/9/2001 của Bộ Y tế hướng dẫn điều kiện và phạm vi hành nghề khám, chữa bệnh dân lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2000/TT-BTC ngày 01/3/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 19/2000/TT-BYT ngày 24/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn xét cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh;